TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Đào.

2/ Ông Mai Văn Thẩm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 17, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp PĐ, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1973. Trú tại: Tổ 17, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị T và anh T1 có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Võ Thị T trình bày: Chị yêu cầu ly hôn.

Chị và anh Lê Văn T1 chung sống như vợ chồng từ năm 1992, tự nguyện không ai ép buộc, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh chị thường xuyên gây gỗ nhau và anh T1 thường rượu chè, sống ly thân từ ngày 13-7-2017 cho đến nay, nên tình cảm không còn.

Về con chung: Có hai người con chung Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 07-7-1993 và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 06-6-1999. Hiện hai con đã thành niên, nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày: Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tròn.

Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về hôn nhân là đúng.

Về con chung: Có hai người con chung như chị Tròn trình bày. Hiện hai con chung đã thành niên, nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tung dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hiện hai con chung Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 07-7-1993 và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 06-6-1999 đã thành niên, chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

[1] Hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 là tự nguyện, không ai ép buộc. Mặc dù, chị T và anh T1 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T1.

[2] Về con chung: Có hai người con chung Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 07-7-1993 và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 06-6-1999, hiện đã thành niên nên không chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Không công nhận chị Võ Thị T và anh Lê Văn T1 là vợ chồng.

Về con chung: Hiện hai cháu Lê Thị Cẩm T2, sinh ngày 07-7-1993 và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày 06-6-1999 đã thành niên, chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

2. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013318 ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã P, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN TÂM